

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VẠN THIÊN THÀNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VẠN THIÊN THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VAN THIEN THANH INVESTMENT AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VAN THIEN THANH INVESTMENT AND CONSTRUCTION CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3801276051

**3. Ngày thành lập:** 27/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ngõ 282, Ấp 2, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0931852386

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4322        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330        |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610        |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị xây dựng , vật liệu xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4663        |
| 5.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6810        |
| 6.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6820        |
| 7.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: -Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. -Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. -Thiết kế nội-ngoại thất công trình. -Thiết kế cấp nhiệt, thông hơi, thông gió, điều hòa, không khí, công trình dân dụng và công nghiệp. -Thiết kế phần cơ-điện công trình. -Thiết kế xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp. -Thiết kế xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị | 7110        |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7410        |
| 9.  | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng<br>Chi tiết: Sản xuất máy móc-thiết bị xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2824        |
| 10. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7730        |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4101(Chính) |
| 12. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4102        |
| 13. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4211        |
| 14. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4212        |
| 15. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4221        |
| 16. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4222        |
| 17. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4223        |
| 18. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4291        |
| 19. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4292        |
| 20. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4311        |
| 21. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4312        |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ-điện-lạnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN CÔNG TOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 285772602

Ngày cấp: 29/09/2017

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Phước

Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Trà 1, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Tân Trà 1, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước